

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 24-02-2022

V/v “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiếp

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2020/TLST- DS ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXX - ST ngày 26 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 104/2021/QĐST-DS, ngày 15 tháng 9 năm 2021, thông báo mở lại phiên tòa số: 553/TB-TA, ngày 15 tháng 10 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2021/QĐST-DS, ngày 05 tháng 11 năm 2021, thông báo về việc thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số: 636/TB-TA, ngày 12 tháng 11 năm 2021, thông báo thời gian, địa điểm tiếp tục phiên tòa số: 668/TB-TA, ngày 30 tháng 12 năm 2021, thông báo thay đổi thời gian địa điểm tiếp tục phiên tòa số: 31/TB-TA, ngày 18 tháng 01 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS, ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn H1– sinh năm 1948

Địa chỉ: thôn K, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị Nguyễn Thị H2– sinh năm 1996 là người đại diện theo ủy quyền. Theo văn bản ủy quyền đề ngày 26/4/2021.

Địa chỉ: Số 276 N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Chị H2 có đơn

đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh T –sinh năm 1955.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Tấn C –sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: thôn K, xã Phổ T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2020 là người đại diện theo ủy quyền (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

- Bà Huỳnh Thị H3 –sinh năm 1957

Địa chỉ: thôn K, xã P, thị xã Đức P, tỉnh Quảng Ngãi (vắng mặt)

- Bà Đoàn Thị H4 –sinh năm 1956 (vắng mặt)

- Ông Huỳnh Tấn C –sinh năm 1978 (có mặt)

- Ông Nguyễn Quang V–sinh năm 1985 (vắng mặt)

- Bà Huỳnh Thị Kim L1 –sinh năm 1986 (vắng mặt)

- Bà Lương Thị Bích P –sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Cháu Huỳnh Thị Tiểu V- sinh ngày 01/01/2004 (vắng mặt)

- Cháu Huỳnh Tiểu L2–sinh ngày 02/9/2005 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho cháu L2, cháu V có anh Huỳnh Tấn C (cha ruột của cháu V, cháu L2)

Cùng địa chỉ: thôn K, xã Phổ T, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà H4, bà P, ông V, bà L1, cháu V, cháu L2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã P, thị xã Đ. Người đại diện theo pháp luật có ông Nguyễn Quang T1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phổ T.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn M, chức vụ: Phó chủ tịch UBND. Theo văn bản ủy quyền số 380/QĐ-UBND, ngày 17 tháng 8 năm 2021 là người đại diện theo ủy quyền (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn là ông Nguyễn H1 và tại bản lập luận đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Ông Nguyễn H1 là chủ sử dụng đất tại thửa số 43, tờ bản đồ số 22 diện tích 259m² xã P (Theo bản đồ đa dạng hóa nông thôn năm 2006). Hiện tại thửa đất có diện tích 328,6m². Thửa đất này có nguồn gốc cha mẹ ông H1 (ông Nguyễn L, bà Nguyễn Thị S đã chết) để lại cho ông H1 quản lý, sử dụng từ trước năm 1960. Đây là phần đất cha ông H1 giao cho để thờ cúng liệt sĩ Nguyễn B.

Thửa đất có giới cận: Đông giáp Quốc lộ 1A; Tây giáp đường đi vào nhà ông Trần Văn S, Nam giáp vườn ông Nguyễn Văn S1; Bắc tiếp giáp với đường đi vào nhà Trần Văn S.

Phía Bắc đường đi là thửa đất của ông Huỳnh T (thửa đất số 200 tờ bản đồ số 5 diện tích 544m^2 , theo bản đồ năm 2000).

Sau năm 1965, chính quyền ngụy mở cống thoát nước qua Quốc lộ 1A chia cắt thửa đất này của ông ra làm 02 thửa. Thửa ở phía Nam cống thoát nước có chiều dài theo mặt tiền Quốc lộ 1A là 25m hiện nay ông Nguyễn H1 đang sử dụng, thửa phía Bắc có chiều dài theo quốc lộ 1A là 3m. Từ khi bị tách thành 02 thửa thì gia đình ông H1 sử dụng diện tích đất này liên tục nhưng chưa rào lưới, vì phần tiếp giáp với phần đất này là một đường đi nên không sợ bị lấn chiếm, nhưng sau đó phần đất đường đi không có người đi (do được thay thế đi vào xóm bằng đường khác) nên bị gia đình ông Huỳnh T lấn chiếm.

Năm 2009, để quản lý phần đất của mình, ông H1 đã trồng trụ bê tông và rào lưới B40 trên thửa đất của gia đình ông H1 ở phía Bắc cống thoát nước này.

Năm 2012, ông Huỳnh T đã tự ý đổ đất lấp toàn bộ hàng rào lưới B40 và trụ bê tông của ông H1, đồng thời chiếm luôn phần đất này nên xảy ra tranh chấp. Từ đó ông H1 đã nhiều lần gửi đến Ủy ban nhân dân xã P

Năm 2014, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A, khi dùng máy đào đất tại khu vực thửa đất phía Bắc cái cống thì trồng hàng rào lưới B40 của ông H1 lên. Lúc này ông H1 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã P lập biên bản mô tả vị trí hàng rào để làm cơ sở giải quyết về sau.

Trước đây ông H1 khởi kiện yêu cầu ông T1 trả cho ông H1 diện tích lấn chiếm 80m^2 của thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 xã P do ông Huỳnh T1 chiếm dụng. Sau khi đo đạc xác định diện tích ông Huỳnh T1 lấn chiếm của ông H1 chỉ là $48,9\text{m}^2$. Phần diện tích $48,9\text{m}^2$, thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 xã P đã bị ông Huỳnh T1 chiếm dụng có giới cận như sau: Đông giáp Quốc lộ 1A; Tây giáp thửa đất số 44, Nam giáp thửa 43 và thửa 365; Bắc giáp thửa đất số 44

Hiện thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sự việc tranh chấp giữa ông H1 và gia đình ông Huỳnh T1 được Ủy ban nhân dân xã P tổ chức hòa giải vào năm 2018 nhưng không thành.

Nay ông H1 yêu cầu ông Huỳnh T trả lại diện tích lấn chiếm phần đất của ông H1 về phía Bắc nằm tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 xã P có diện tích theo kết quả đo đạc là $48,9\text{m}^2$.

Tại biên bản ghi lời khai của bị đơn ông Huỳnh T, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh T có ông Huỳnh Tấn C trình bày: Ông T là chủ sử dụng thửa đất số 44, tờ bản đồ số 22 xã P. Nguồn gốc thửa đất này do cha T là ông Huỳnh C (chết năm 1972) cùng với ông sinh sống trên đất từ năm 1966. Sau khi giải phóng thống nhất đất nước năm 1975, lúc đó ông Ta làm thôn đội phó của thôn K, xã P tiếp

tục xin cấp thửa đất này để làm nhà ở sinh sống, nhưng việc xin cấp đất không có giấy tờ gì. Lúc cấp đất cho gia đình ông T thì ranh giới phía Đông Nam giáp với đường đi liên xã từ Phổ An, Phổ Văn lên chợ Liên Chiêu, còn phần diện tích đất hiện ông Nguyễn H1 sử dụng thì do cha ông H1 sử dụng; lúc đó ông Trần Văn S sử dụng con đường đi liên xã vào nhà ông S. Sau đó ông S không sử dụng con đường đi này nữa thì ông H1 tự ý lấp mương, lấp đường, tự ý chặt hàng rào dựng lưới B40. Hiện trạng công thoát nước củ vẫn còn, nhưng phần lòng mương ông H1 đã lấp lộng vào vườn của ông H1. Hiện tại phần phía Nam đất của ông T giáp với vườn ông Trần Văn S không có tiếp giáp với phần diện tích đất của ông H1. Nên việc ông H1 khởi kiện cho rằng ông T lấn chiếm đất của ông H1 là không có căn cứ.

Từ trước đến nay gia đình ông Huỳnh T không có lấn đất hay tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Nguyễn H1. Diện tích đất mà ông Nguyễn H1 kiện yêu cầu ông T trả lại 48,9m² là đất thuộc đường đi công cộng. Gia đình ông không có sở hữu gì đối với diện tích đất này. Hiện diện tích đất này là nằm trên đường đi công cộng do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Vì vậy ông đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Tấn C, Lương Thị Bích P trình bày: Ông, bà công nhận những lời trình bày của ông Huỳnh T là đúng, từ khi kết hôn đến nay ông bà sống trên diện tích thửa 44, tờ bản đồ số 22 xã P. Quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý của ông Ta; Từ trước đến nay gia đình ông Huỳnh T không có lấn đất hay tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông Nguyễn H1.

Diện tích đất mà ông Nguyễn H1 kiện yêu cầu ông Huỳnh T trả lại 48,9m² là đất thuộc đường đi công cộng vào các hộ trong xóm. Sau đó các hộ trong xóm không sử dụng đường đi này thì ông H1 đổ đất, trồng tre lấn chiếm đường đi. Khu vườn của ông Huỳnh T cách con đường đi vào xóm, tiếp đến là con mương thoát nước qua đường Quốc lộ 1A, vườn ông H1 tiếp giáp với con mương, ông H1 đổ đất lấp mương lấn chiếm phía Tây Bắc con mương và chiếm luôn đường đất đi cũ. Gia đình ông bà không sử dụng hay chiếm dụng diện tích đường đi này. Hiện diện tích đất tranh chấp 48,9m² ông H1 khởi kiện là nằm trên đường đi công cộng do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Kim L1 và ông Nguyễn Quang V trình bày: Bà L1 và ông V là con và rể của ông Huỳnh T. Hiện nay vợ chồng ông bà được ông Huỳnh T cho một phần đất thuộc thửa đất số 44 tờ bản đồ số 22 xã P làm nhà ở và có sử dụng đường đi công cộng do xã P quản lý để đi vào nhà. Diện tích đất mà ông Nguyễn H1 yêu cầu cha ông bà trả là phần đất đường đi công cộng. Vì vậy vợ chồng ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H1.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên qua bà Đoàn Thị H3 trình bày: Bà là vợ của ông Huỳnh T. Diện tích đất mà ông Nguyễn H1 kiện gia đình bà trả lại 48,9m² thì bà không đồng ý. Vì đất này là phần đất đường đi công cộng thuộc

Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Từ trước đến nay gia đình bà không sở hữu đối với diện tích đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Huỳnh Tiểu V, Huỳnh Tiểu L2 có người đại diện hợp pháp là ông Huỳnh Tấn C— cha đẻ trình bày: Các cháu là con của ông Huỳnh Tấn C, bà Lương Thị Bích P, việc ông Nguyễn H1 kiện gia đình cháu trả lại 48,9m² thì gia đình cháu không đồng ý. Vì đất này là phần đất đường đi công cộng thuộc Ủy ban nhân dân xã P quản lý. Từ trước đến nay gia đình cháu không sở hữu đối với diện tích đất này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H4 trình bày: Bà là vợ ông Nguyễn H1. Về nguồn gốc, cũng như quá trình sử dụng đất thì bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn H1 và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn H1. Đất này có nguồn gốc của cha mẹ chồng để lại cho vợ chồng bà nhằm mục đích thờ cúng liệt sĩ Nguyễn B từ năm 1960. Nhưng do chính quyền Ngụy mở rộng cống thoát nước nên thửa đất mới chia ra làm 02 phần. Để đảm bảo quyền sử dụng đất thì vợ chồng bà có làm hàng rào lưới B40 trên thửa đất thế nhưng bị gia đình ông Huỳnh T đổ đất lấp luôn hàng rào lưới. Năm 2014 Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A nên đã đào lên và phát hiện lưới B40 và trụ bê tông của gia đình bà. Sau đó được Ủy ban nhân dân xã P lập biên bản xác định đây là của gia đình bà. Vì vậy bà yêu cầu ông Huỳnh T trả lại diện tích đất qua đo đạc thực tế cho gia đình bà là 48,9m²

Tại văn bản ý kiến số 215/UBND, ngày 22/9/2020, biên bản làm việc ngày 18/8/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường P. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn M trình bày:

Năm 2012, ông Nguyễn H1 gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã Phổ Thuận tố cáo ông Huỳnh Ta lấn đất của Nhà nước và đất của ông. UBND xã P đã nhiều lần giải quyết và xác định ông Huỳnh T lấn đất của Nhà nước nhưng việc ông Huỳnh T lấn chiếm đất của ông H1 là không có. Vì thửa đất của ông Huỳnh T và của ông Nguyễn H1 sử dụng cách nhau một con đường và một con mương, không giáp ranh với nhau, con mương và con đường thuộc đất UBND xã P quản lý.

Diện tích đất 48,9m² mà ông Nguyễn H1 yêu cầu ông Huỳnh T trả lại, đây là đất nằm trong diện tích đất đường đi công cộng đã có từ trước năm 1975. Hiện nay diện tích đất này do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Vì vậy đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Bị đơn: Đã thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Tấn C, bà Huỳnh Thị Kim L1, UBND xã P thực hiện đúng quy định quyền và nghĩa vụ của pháp luật. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định diện tích 48,9m² đất mà ông Nguyễn H1 yêu cầu ông Huỳnh T trả lại cho ông H1 là đất đường đi công cộng do Ủy ban nhân dân xã P quản lý chứ không phải đất của ông H1 và cũng không phải đất của ông Huỳnh T. Do đó, ông H1 khởi kiện yêu cầu ông T trả lại 48,9m² quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 22 xã P là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H1 về việc yêu cầu ông Huỳnh T trả lại 48,9m² quyền sử dụng đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 22 xã P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Nguyễn H1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh T; địa chỉ: thôn K, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trả lại diện tích đất lấn chiếm tại xã P. Nên căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn H1 ủy quyền cho anh Nguyễn Tiến N, anh Ngô Duy H5 và chị Nguyễn Thị H2 tham gia tố tụng, tuy nhiên, tại phiên tòa anh Ng có đơn rút nhận ủy quyền, ông H1 có đơn rút ủy quyền đối với anh H5; chỉ còn chị H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông H1. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H2 vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ông Huỳnh Tấn C tham gia phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H4 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đoàn Thị H4, ông Nguyễn Quang V1, bà Huỳnh Thị Kim L1, bà Lương Thị Bích P, cháu Huỳnh Thị Tiểu V2, Cháu Huỳnh Tiểu L2, Ủy ban nhân dân xã P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo hồ sơ địa chính năm 2006 thể hiện thửa 43, tờ bản đồ số 22 xã P diện tích 259m^2 do ông Nguyễn H1 quản lý, sử dụng và thửa đất số 44 tờ bản đồ số 22 xã P diện tích 1.445m^2 do ông Huỳnh T quản lý, sử dụng; giữa 02 thửa đất là con đường đi công cộng. Ông Nguyễn H1 cho diện tích đất qua đo đạt thực tế là $48,9\text{m}^2$ có nguồn gốc do cha mẹ ông để lại cho ông, diện tích đất này nằm trong thửa 43 tờ bản đồ số 22. Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên thửa đất số 43 tờ bản đồ số 22 vào năm 2000 mở rộng Quốc lộ 1A thì diện tích thửa đất số 43 có diện tích còn lại (theo bản đồ năm 2006) là 259m^2 . Đến năm 2014 thực hiện dự án cải tạo nâng cấp quốc lộ 1A thửa 43 được thu hồi 121m^2 ; tuy nhiên đo đạt thực tế hiện nay thửa 43 có diện tích $328,6\text{m}^2$.

[2.2] Tại văn bản trình bày ý kiến, biên bản làm việc của Ủy ban nhân xã P và văn bản số 156/UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ xác định diện tích đất $48,9\text{m}^2$ không nằm trong thửa 43 tờ bản đồ số 22, theo bản đồ địa chính đo đạt năm 2006 thì diện tích đất này là đường đi của các hộ dân. Vì vậy phần diện tích đất $48,9\text{m}^2$ thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã P.

Theo bản đồ đo vẽ đa dạng hóa nông thôn năm 2006 thì thửa đất số 43, tờ bản đồ số 22 xã Phổ Thuận có diện tích là 259m^2 . Tại Quyết định số: 4853/QĐ-UBND, ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) về việc thu hồi đất của ông Nguyễn H1 và bà Huỳnh Thị H4 thu hồi 121m^2 đất BHK của ông Nguyễn H1 và bà Huỳnh Thị H4 thuộc thửa đất 43, tờ bản đồ số 22 xã P để xây dựng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A qua xã P. Như vậy diện tích sau khi bị thu hồi của thửa 43, tờ bản đồ số 22 còn lại là $259\text{m}^2 - 121\text{m}^2 = 138\text{m}^2$. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạt thực tế thì thửa đất số 43, tờ bản đồ số 22 là $328,6\text{m}^2$; tăng $190,6\text{m}^2$ so với hồ sơ địa chính của thửa đất sau khi bị thu hồi, bồi thường năm 2014. Nên việc ông H1 cho rằng ông T lấn chiếm quyền sử dụng đất của ông là không có căn cứ.

[2.3] Từ khi ông H1 phát sinh tranh chấp với ông Huỳnh T và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã P để yêu cầu giải quyết thì Ủy ban nhân dân xã P đã tiến hành xác minh nguồn gốc đất, lấy ý kiến của người dân biết rõ nguồn gốc đất, tại các biên bản hòa giải, biên bản giải quyết đơn của ông H1, các ý kiến của những người tham gia cũng như kết luận tại các cuộc họp đều xác định diện tích đất ông H1 cho rằng ông T lấn chiếm là không có căn cứ, xác định đây là đất đường đi chung của xóm và mương thoát nước do Ủy ban nhân dân xã P quản lý.

Mặt khác quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn H1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh diện tích đất $48,9\text{m}^2$ tranh chấp là đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông. Quá trình làm việc gia đình ông Huỳnh T cho rằng diện tích đất này là đường đi do Ủy ban nhân dân xã quản lý, gia đình chỉ sử dụng làm lối đi vào nhà chứ không quản lý.

[2.4] Như vậy có cơ sở khẳng định diện tích đất 48,9m² nằm trong phần đất đường đi công cộng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Đất đai năm 2013 thì thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã P và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P chịu trách nhiệm đối với việc quản lý đất này.

Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh T lấn chiếm của thửa đất 43, tờ bản đồ số 22 diện tích 48,9m² là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Đối với diện tích đất tại thửa 43 tờ bản đồ số 22 xã P qua đo đạt thực tế 328,6m² so với diện tích còn lại của thửa 43, tờ bản đồ số 22 (theo hồ sơ địa chính năm 2006) sau khi mở rộng Quốc lộ 1A là 138m², tăng 190,6m². Việc bà Huỳnh Thị Kim L1 và ông Nguyễn Quang V1 xây dựng mái hiên tạm bằng trụ sắt, xà gồ kẽm, mái lợp tôn kèm trên phần diện tích đất tranh chấp 48,9m². Quyền sử dụng nêu trên do Ủy ban nhân dân xã P quản lý; Ủy ban nhân dân xã P không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 2.000.000 đồng, đo đạt 6.000.000 đồng, định giá tài sản 1.500.000 đồng, tổng cộng 9.500.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng và đã thanh toán xong. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận. Vì vậy nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạt và định giá tài sản tranh chấp theo quy định tại các Điều 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn H1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí theo quy định. Nên ông Nguyễn H1 được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 157, 165 Điều 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 166 Luật Đất đai năm 2013

Căn cứ Điều 12, 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên xử: Không chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn H1 về việc yêu cầu ông Huỳnh T trả diện tích 48,9m² tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 22 xã P.

2. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của ông Nguyễn H1 không được chấp nhận nên ông Nguyễn H1 phải chịu 9.500.000 đồng (chín triệu năm trăm nghìn đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạt và định giá tài sản tranh chấp.

3. Về án phí: Ông Nguyễn H1 là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn H1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị H4, bà Đoàn Thị H3, ông Nguyễn Quang V1, bà Huỳnh Thị Kim L1, bà Lương Thị Bích Ph, cháu Huỳnh Thị Tiểu V2, cháu Huỳnh Tiểu L2, Ủy ban nhân dân xã P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ

Bị đơn ông Huỳnh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Sang